TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST
Ngày 15/02/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Hà Đức Sơn.

Thư ký Toà án: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung H – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Quân Thị T, sinh năm 1993.

* *Bị đơn:* Anh Ma Duy L, sinh năm 1991.
Cùng địa chỉ: Thôn NG, xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quân Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Quân Thị T và anh Ma Duy L qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 15/02/2012. Chị T và anh L được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống tại thôn NG, xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống hạnh phúc

được thời gian đầu, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T cho rằng do vợ chồng không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau, không quan T, chia sẻ trong cuộc sống, vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Ma Duy L.

- Về con chung: Chị Quân Thị T và anh Ma Duy L có 02 con chung là cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016, hiện nay các cháu đang ở cùng anh L. Chị T không có nguyện vọng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mà để anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ma Duy L nêu quan điểm:

- Về hôn nhân: Anh Ma Duy L và chị Quân Thị T qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Anh L và chị T được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn chung sống tại thôn NG, xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn lớn, cho đến tháng 6 năm 2019 thì chị T tự ý bỏ đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được, chị T yêu cầu ly hôn anh L nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Ma Duy L và chị Quân Thị T có 02 con chung là cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016, hiện nay các cháu đang ở cùng anh L. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Quân Thị T và bị đơn anh Ma Duy L đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án, không có thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2022 cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 trình bày sau khi chị T và anh L ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quân Thị T, cho chị Quân Thị T được ly hôn anh Ma Duy L; về con chung: Giao các cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016 cho anh Ma Duy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Quân Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị Quân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Ma Duy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quân Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Ma Duy L; anh Ma Duy L có hộ khẩu thường trú tại thôn NG, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quân Thị T và bị đơn anh Ma Duy L đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Quân Thị T và anh Ma Duy L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, luôn nghi ngờ ghen tuông và không có sự quan T, chia sẻ trong cuộc sống, chị T và anh L đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ma Duy L; anh Ma Duy L nhất trí ly hôn với chị Quân Thị T.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa chị T và anh L không còn quan T, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa chị T và anh L không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quân Thị T, cho chị T được ly hôn anh Ma Duy L.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị Quân Thị T và anh Ma Duy L có 02 con chung là cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016; sau khi ly hôn chị T không có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà để con cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện nay cháu H và cháu T đang sống cùng anh L và bố mẹ đẻ của anh L tại thôn NG, xã TM, huyện Chiêm Hóa, anh L có đi làm ăn xa hàng tháng có về gia đình thăm nom con và gửi tiền về nuôi dưỡng con. Tại biên bản lấy lời khai cháu H có nguyện vọng được ở với anh L sau khi chị T và anh L ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu H có nguyện vọng được ở với anh L, từ nhỏ cháu H và cháu T đã ở cùng anh L và gia đình, anh L cũng có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu T; Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016 cho anh Ma Duy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Quân Thị T và anh Ma Duy L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Quân Thị T và anh Ma Duy L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Quân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Ma Duy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quân Thị T, cho chị Quân Thị T được ly hôn anh Ma Duy L.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Duy H, sinh ngày 02/01/2012 và cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 12/7/2016 cho anh Ma Duy L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Quân Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Quân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000[đ] *(ba trăm nghìn đồng).* Chị T đã nộp 300.000[đ] *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005490 ngày 01/11/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Ma Duy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TM (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh